TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án: **01** /2020/HNGĐ - ST
Ngày 25 - 02 - 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn.
Các Hội thẩm nhân dân :
1- Bà Nguyễn Thị Bắc;
2- Bà Hoàng Thị Chung;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST, ngày 17 tháng 01 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST- DS, ngày 07/02/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đoàn Thị Hồng T, sinh năm 1984; Có mặt
Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

*** Bị đơn:** Anh Trần Văn T1, sinh năm 1980; Vắng mặt không có lý do
Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đoàn Thị Hồng T trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn T1 vào ngày 28 tháng 4 năm 2002, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, hai bên gia đình có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Cưới xong chị và anh T1 chung sống với nhau tại thôn R, xã T, huyện được mấy tháng thì về chung sống tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, sau một thời gian ở Lạng Sơn thì lại về

T, huyện S, Bắc giang ở làm ăn sinh sống; tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ tháng 06 năm 2017, do cách sống của vợ chồng không hợp nhau, anh T1 thường xuyên rượu chè, không chịu làm ăn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không nghe, không bảo được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, chị đã về bên ngoại ở.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T1 được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Đoàn Việt A, sinh ngày 09/02/2004, hiện nay cháu đang ở cùng chị. Anh T1 thường xuyên vắng nhà và không chịu làm ăn, nên chị nhận trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị hiện nay có chỗ ở và công việc làm công nhân ổn định, có mức thu nhập 5.000.000đ/tháng, chị đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu trưởng thành.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Văn T1 vắng mặt tại nơi cư trú nhưng đã được Tòa án giao Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập giao cho mẹ đẻ anh T1 và niêm yết tại địa phương để anh T1 biết đến làm việc theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy gia đình anh T1 đã thông báo và gửi giấy triệu tập của Tòa án cho anh T1 biết như Thông báo thụ lý, triệu tập làm việc nhiều lần cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh T1 không chấp hành, cố tình trốn tránh kiên quyết không đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T1.

* Tại phiên toà hôm nay: Chị Đoàn Thị Hồng T vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T1 được ly hôn theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định, còn bị đơn không chấp hành là vi phạm pháp luật. Do Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị Hồng T và anh Trần Văn T1 được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị Hồng T nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Đoàn Việt A, sinh ngày 09/02/2004; Về cấp dưỡng nuôi con chị T không có yêu cầu.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đoàn Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Trần Văn T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa; vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

a) Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn chị Đoàn Thị Hồng T cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định: Chị Đoàn Thị Hồng T kết hôn cùng anh Trần Văn T1 vào ngày 28 tháng 4 năm 2002, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn số 84 ngày 14/6/2002; cưới xong chị T và anh T1 chung sống với nhau tại thôn R, xã T, huyện S được mấy tháng thì về chung sống tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và một vài năm sau lại về quê anh T1 sinh sống làm ăn, tình cảm vợ chồng anh T1 ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp.

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 06 năm 2007, do cách sống của vợ chồng không hợp nhau, anh T1 thường xuyên rượu chè, không chịu làm ăn, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế nên thường xuyên cãi chửi nhau,vợ chồng cũng ly thân từ tháng 06/2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, từ ngày ly hôn chị T về quê chị sing sống làm ăn cùng con.

Xét thấy lời khai của chị T, lời khai của gia đình anh T1 cung cấp và xác minh tại UBND xã T, huyện S thì thấy: Anh T1vẫn thường xuyên có mặt tại nơi cứ trú, chỉ thi thoảng lại vắng nhà 1 đến 3 ngày, từ khi ly thân anh T1 thường xuyên rượu chè, không có nghề nghiệp ổn định, anh T1 không quan tâm giúp đỡ đến vợ và không quan tâm, chăm sóc con; anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ sống chung với nhau

làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; cần chấp nhận yêu cầu của chị T; cho chị T và anh T1 được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

b) Về con chung: Do anh T thi thoảng vắng nhà, thường xuyên rượu chè, không có công việc làm ổn định nên mức thu nhập thấp, hiện nay cháu Trần Đoàn Việt A đang ở với chị T ổn định, cháu A có nguyện vọng được ở với chị T, chị T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu A và cam đoan đủ điều kiện chăm sóc cho con. Do vậy, nên tiếp tục giao cho chị Đoàn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đoàn Việt A, sinh ngày 09/02/2004. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng.

c) Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản; vì thế Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

d) Về án phí: Chị Đoàn Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị Hồng T và anh Trần Văn T1 được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Đoàn Việt A, sinh ngày 09/02/2004; Về cấp dưỡng nuôi con chị T không có yêu cầu.

Anh T1 có quyền thăm con sau khi ly hôn không ai được cản trở anh T1.

[3] Về án phí: Chị Đoàn Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2010/007104, ngày 18 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND TT C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu HS, VP .

Trần Văn Toàn